

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOÀNG QUYẾT

QUYỂN 8 (PHẦN 1)

Giải thích cảnh thiền nào, từ đây trở xuống hiện văn sáu cảnh v lược ba cảnh, đều sẽ phát được đây là thiền nào do cảnh bên ngoài sanh khởi, cho đến bốn hoàng chỉ thuộc về ba ấm của ấm cảnh, cho nên bình thường chẳng phải không có thiền nào cho đến phát tâm, cũng đều phải quán chẳng phải không có danh cảnh, nay văn cho rằng nói về quán ấm phát được, nên phải nói khác. “Độc”: Là hành, là không mê mờ bốn tông, như bảy pháp ở trước đều phân biệt Trung quán, nói mười cảnh đây là thuộc về ba chương, chẳng phải ngay hiện tại khởi ba chương.

Hiện ba chương: Như trong Đại kinh quyển mười chếp: Đại Bồ-tát cầu chủng trí, vì trừ ba món chương cho chúng sinh.

Chương thiền nào: Là ba độc triền cái, tám mạn, bốn tà, v.v...

Chương nghiệp: Là năm vô gián.

Chương báo: Là ba đường ác, phỉ báng chánh pháp và nhất-xiển-đề, nên biết nêu ác năng chương nên gọi là chương, nay dùng lưu thứ nhiếp hai pháp sau ấy.

Ban đầu nói chung trong ý: Đầu tiên kết trước sinh sau, thượng ấm hạ kết trước mà quán sát sinh sau.

Kế, 1 trước quả trách ham muốn ở sau chánh nói ý, trước lại cùng các văn trên nói khác có pháp dụ cho hợp.

Ban đầu nói cùng với trên trong phương tiện quả trách muốn bỏ nói khác; kế nói khác với ấm cảnh trên, trong dục cái trên và ấm nhập, tuy có hoặc tương mà chưa quá tăng thạnh chẳng phải cảnh thiền nào, nên quả năm dục lại biết năm trần là sinh hạnh là duyên tham dục, sinh dục là lỗi, nhân lỗi sinh tội cho nên phải quả trách, trong cái chỉ là duyên hình bóng còn rơi rớt lại, trần ngăn ngại nhập quán, phải nên xả bỏ, lại hai và năm này hoặc quả hoặc bỏ, chỉ thành phương tiện chưa

chánh dụng quán, trước quán ấm nhập quán về báo ấm, báo ấm vô ký đối với ấm kia câu diệu giải nên ấm cảnh ấy chưa gọi là phiền não, lại trước trong văn nhất tâm phân biệt rõ ràng, tuy quán tham sân chẳng phải ý cảnh này, chỉ là hiện khởi các hoặc thiện ác, đều thuộc ấm nhập, này do nhân ấm sơ khởi phiền não, đều gọi là ấm cảnh, nay cảnh cần phải nhân quán ấm phát, phát các tham trọng mới gọi là cảnh nay, từ nay quán bỏ, chánh nêu cảnh này khác với ấm cái, v.v... nên nói khởi tham sân nặng. Bắt đầu như lập bày ở sau nêu dụ cho, thiết như ấm hỏa như quán, ấm chưa gặp quán hoặc đời trước thẩm phục nên nói chỉ có “thức”, do quán ấm cảnh ấm giải chưa sinh tập khởi khác trước nên nói hành nhiên, lại báo thân pháp thân kế ở sau nói về khó dễ, lập lại dụ cái cho đến ấm nhập, cùng phiền não này bao gồm phân biệt khó dễ, cho nên thể của dụ cái đều thuộc về ấm nhập, nên cùng ấm nhập thông giáo gọi là tầm thường, vì sao ở sau bên Biệt giáo giải thích, cùng ba pháp trước so sánh nói khó dễ. Ban đầu chánh nói tương đối chặng giữa trước pháp kế dụ cho trong pháp nêu ra ba độc trước so sánh với nay, trước là báo pháp và hiện phiền não, cho nên dễ dừng nghĩ, nay phát đã trọng cho nên dễ dừng nghĩ, nay phát đã trọng cho nên khó chế, đảo tưởng là si. “Tham” là rất dễ thấy, nói ngựa chết là trong Thập tụng giới đầu nói ma trời muốn hoại Nan-đê biến thành người nữ dụ đến chỗ ngựa, lại ẩn hình, người này nặng về dụ bèn đến không phân biệt, hoặc này ở sau lại nói về trợ duyên, đã phát phiền não rồi lỗi ở thường, lại thêm duyên bên ngoài đến nỗi làm cho cuồng vọng, thí như ở sau nêu dụ cho, dòng nước như ấm pháp, dùng quán như khát mộc, động tập như báo khởi “liên y”, gió đi mà dòng nước thành văn, nay dùng chung gỗ, gió kia đi dòng gấp nước rút khởi lên dữ dội.

“Liên y” là trùng ba, trên sóng lại thêm sóng nên gọi là “trùng ba”. Báo tức báo biến, nay là nước khởi mượn từ nước mà làm người mạnh khỏe, dụ cho rất đồng với nước phiền não ở sau hợp dụ cho, như dụng chạm sứ tử nằm ở sau lập lại dùng thì dụ giải thích thành dụ cho trước, nếu không ở sau kết khuyến để cho biết không chỉ ở sau nói do cảnh khởi lỗi, như quyển năm có nói tùy theo dẫn người đến ác tức ý này, kế chánh giải thích chặng giữa ban đầu giải thích tương, trước giải thích danh, chặng giữa có hai cách giải. Ban đầu hợp chữ để giải thích, ba độc là năng phiền, tâm thân là sở phiền.

Kế phân chữ để giải, phiền là năng phiền, não là sở não, phải biết thông là chung cho kiến tư, ở đây một phen đến phân ở sau nói trong độn có lợi, như trùng thú phạm phu cũng có thể khởi ngã, ngã là lợi, vì

lợi thuộc độn nên nói là thật, không suy lý cho đến tự đại: “Như” là loài trùng nhỏ có tánh thức có thể máy động, nêu chữ “Thích”, v.v... (bò cạp) là thứ của. Bì Thương chép: Một bò cạp lớn khắp, gọi là ôm kiếm, cũng gọi là cầm lửa, do đó cũng nói: Các bò ngựa đánh nhau. “Kế” là lông trên cổ, trong văn nói: Bờm ngựa, như sói, v.v... nổi giận thì bờm nó dựng lên và tức giận hơn, ở đây nêu các pháp loài trùng thấp kém để so sánh với người. Đây còn chấp ngã hướng chi là người ư? Thấp nhất là phàm phu kém cõi ở sau nêu độn sử, phàm phu mà cũng có lợi, năm lợi đến chứng nào?, v.v... Kế nói trong lợi có độn, như các ngoại đạo nương các chấp mà khởi tức giận, chưa phát được thiên, v.v...

Hỏi: Như đệ tử Phật tu hành thứ lớp cũng chưa phát thiên, vì sao gọi là Tu-đà-hoàn đã dứt kiến hoặc?

Đáp: Nay phán xét lợi độn y theo hiện phát kiến kiến sanh khởi hoặc, như chưa đắc thiên, dù khởi tức tập đã có phiền não, và nhân hiện ấm khởi ra ngã kiến, vẫn thuộc về độn sử, sơ quả đã dứt phàm phu đều có, thậm phục ở thân chương chân vô lậu, hoặc thấy đế lý, hoặc ở đây tự dứt trừ nên gọi là hoặc, đây cho đó là kiến, nên khác nhau với thiên sau sanh khởi, hoặc các ngoại đạo do chưa thấy đế, được thiên định rồi tuy dứt độn sử, mà vẫn không hề dứt một may kiến hoặc, kiến hoặc hiện hành, nên không đồng, chưa phát thiên đã có kiến hoặc và thậm phục, cho nên không do trong tám mươi tám sử kiến hoặc nêu bày, nên nghĩa tám mươi tám sử thuộc ấm cảnh, so sánh phân biệt lợi độn mới được gọi là kiến, lại khác với thiên sau tướng kiến hoặc, nay chỉ đối với thiên, hậu kiến phân biệt, cho nên nói, nếu đắc thiên khởi chấp, dù có tham sân đồng thuộc về lợi, như hai người học nêu bày ở sau, được lợi như độn, được ý như lợi, cả hai đều được lợi được ý tranh cãi, cả hai đều chấp ngã đắc thiên kiến thành, hoặc phát ở sau phân biệt chỉ bày thể cảnh, trong thân tuy có tám mươi sử. Nhưng chỗ khởi chỉ thuộc về độn sử mà ở cảnh nay, hoặc đối với lợi kế sau phán xét câu đầu, trước lại gạn khởi, hoặc trong lợi có độn, người dứt kiến hoặc chỉ gọi là đoạn lợi, đoạn trong lợi hoặc này lẽ ra còn, nếu không như vậy, thì trong lợi có độn, không gọi là độn. Nên kế dẫn trong luận Tỳ-đàm giải thích rằng: Lợi tuy có độn, độn này thuộc lợi, từ độn sử trái với trên mà khởi, người thấp nhất tuy khởi ở lợi nhưng lợi này thuộc về độn, nên nói tư duy cũng như vậy, hoặc khai, v.v...

Kế nói khai hợp, khai thành tám muôn hợp chỉ có ba độc, tám muôn đã không ngoài ba độc, nay quán ba độc tức quán tám muôn, là nghĩa này, nên phải nói khai hợp, ba độc ở sau nói là chương khác

nhau.

Ban đầu nói bốn phần đều năng chướng định, chỉ có vô ký không thuộc về thiện ác, tức không chướng định vẫn thuộc về ám cảnh. Nếu là chướng thì cả hai thuộc về không đồng, nghĩa là phát hay không phát, như trước đã phân biệt.

Trong kinh nói: Ở sau dẫn Đại phẩm để chứng minh vô ký không chướng, tức sư tử, v.v... định sở nhập tán tâm này đều y theo ý của luận Tỳ-đàm; kế là cũng y theo ý của người, Thành luận cũng thừa nhận bốn phần trong Tỳ-đàm đều phân tán mà không nói bốn chướng chung, nhưng nói trong tán đều có si hoặc tương ứng, nên nói tám gồm vô tri, năng chướng định thì thuộc về si nếu vậy ở sau gan thành luận nhân, bốn phần chung tán bao gồm không biết, si làm chướng định, đây là tương ứng si, si thì sân dục, si đã chướng định, si có sân dục làm sao không chướng định, mà lập riêng nói: Si năng chướng định, nay giải thích ở sau, ngày nay chánh giải, nói ý riêng, như trên giải thích bởi tùy theo người khác nhau, hoặc nặng về tham, tham tức là cái, sân si là chướng cũng giống như vậy nên nay thành chướng y theo đó nên biết, nên trong luận Tỳ-đàm đã dẫn Đại phẩm dùng làm chứng, nghĩa này không phải như vậy, trong Đại phẩm kinh nói Tam-muội siêu vượt, từ diệt định khởi nhập tán nên nói tán này mà không chướng định, nay nói tán chướng v không chướng, nên nói phạm phu đã có ba độc, vì sao dẫn các tướng thắng định A-la-hán xuất tán, nhưng các phiền não trở xuống là nói nay phân biệt tướng làm cảnh sở quán, nhưng nói bốn phần tướng thật chưa khắp, nếu nói tự hạnh đủ thì được làm cảnh, nên dẫn trong Pháp Hoa nói ý cảnh quán, ý ở dứt bỏ phân biệt chẳng phải gặp, nói hai mươi năm. Trong số có nhiều cách giải, kiến tư chưa dứt, đại cơ chưa thuần thực, cho nên hai mươi năm lại sai hốt phân, lại phá kiến hoặc dùng một vô ngại một giải thoát, phá tư duy hoặc, dùng chín vô ngại chín giải thoát, hợp thành hai mươi. Lại trong hai đường dứt kiết chung gọi là hai mươi, lại phần trên phần dưới gọi chung là hai mươi, lại y theo hai mươi khiến người cùng dứt kiến tư cũng gọi là hai mươi, ban đầu giải tức do lìa phược đặc số mà nói hai mươi, sau giải đều dùng hai nghĩa để làm hai mươi, nếu vậy ở sau giải thích nghi. Nghi rằng: Nếu ý dứt bỏ, thì năm trăm vị La-hán há chẳng phải dứt bỏ, mà trong luận Bà-sa nói các thứ phân biệt ư? Là đem ở sau giải thích nghi, năm trăm vốn ở một môn nhập đạo, cũng chưa phân biệt được La-hán rồi vì trì Phật pháp làm cho tồn tại lâu dài, đã đứng đầu chúng phải thông ngoại nạn cho nên năm trăm rộng diễn phân biệt, nếu không làm chúng thủ dù

thành La-hán cũng không nhập vị giả, cũng chưa phải các thứ phân biệt. Lại nữa ở sau, nói hoặc tướng này chánh là cảnh mười quán sở quán, cho nên phải nói là chung và riêng không thể nghĩ bàn, v.v... đã nói: Đều có đủ bốn phần, nay cảnh chỉ là bốn phần trong độn, đều có đủ bốn phần, nay cảnh chỉ là bốn phần trong độn, nay vẫn nói lược không rành phân biệt, nhưng lại phân biệt chung riêng, v.v..., nếu lựa bỏ, thuộc về ấm lợi độn chẳng phải sở quán nay, sở phát lợi độn là sở quán nay, sở phát lại có hai, lợi của thiên hậu thuộc về ở sau chấp cảnh, thấy ngoài mạng nghiệp là sở quán nay. Ban đầu nói trong Thông Biệt, nói lợi độn hợp thành bốn phần, là so sánh với trước khai thành tám muôn, nên nay nói hợp lại chỉ có bốn phần, ngoại giới đã đặt tên bốn phần, nghĩa khai hợp, nghĩa đồng giới nội, chỉ là biệt hoặc khác giới nội, nếu làm tướng có liên quan, v.v... Kế nói nghĩ bàn hay biết nghĩ bàn, v.v...

Nói hưởng chung riêng tùy giáo khác nhau, nếu khởi tương quan tức là nghĩa riêng, không rõ tức nhau nên nói tương quan, thông hoặc như mỗi nhánh, nghĩa là nhánh lá biệt hoặc bốn bốn nghĩa là cội gốc, nhánh gốc chỉ được tương quan mà thôi, tức nghĩa biệt. Nếu khởi không thể nghĩ bàn, nên nói hoặc chung như hoa pháp tánh như không, do mắt bệnh cho nên thấy hoa đốm đầy hư không, nếu thể nhận được bệnh biết hoa tức không, không hoa thể đồng, tức là nghĩa viên. Đã như quyển một, do ba chỉ quán kết phát tâm trong tâm mà nói, nên biết nghĩ bàn hay chẳng nghĩ bàn cả hai đều quán giới nội thông hoặc làm cảnh, do sở phát nên chẳng phải biệt hoặc. Ở sau khởi quán trung trước nói nghĩ bàn, nên nay dự nói, cũng đều nói, ý ở tức nhau, đối với thông hoặc hai nghĩa trên đều thông, nên nói nếu khởi; kế giới thích nhân duyên có ba, như ở sau nói, nghĩa là có ba như tập, v.v..., khởi tướng ở sau, trước dùng bốn câu phán xét, chặng giữa trước nêu bày bốn câu; kế phán xét cảnh tướng, vẫn trước tuy là hiện rõ các nghĩa là hợp chung riêng, mà chưa nói tướng trạng của nội khởi lập lại hiện tướng khởi, nên biết nay khởi khác với dục cái và ấm nhập, nhân duyên ở sau chánh nói nhân duyên. Tập nhân nghĩa là nhân, huân tập nối tiếp làm duyên, ý nghiệp là nhân, thân miệng ác hạnh làm duyên, ma hành làm nhân mười quân thâm nhiếp thành duyên, có ba pháp này nên nay tu đạo, ba pháp này lại phát còn gọi là duyên, ban đầu tập hữu pháp thì dự hợp, nói Đạo phẩm chỉ là chánh quán cảnh ấm nhập. Thuận lưu gọi là “duyên”, không tu quán nên thuận dòng sinh tử, nêu tu đạo ở sau thì hiện tại quán ấm, lại phát chủng tánh đời trước “nghịch lưu” nói là “tố” “hữu” tức hai mươi lăm cõi, nghĩa là bốn cõi, bốn đường ác, sáu dục và Phạm thiên, Bốn

thiền, Bốn Vô sắc vô tướng, Năm Na-hàm, “ngôi” nghĩa là khởi dáng mạo cao lớn.

Chữ “ngôi” (năm hồi năm phi năm vĩ ba thiết) hoặc bị quán chế, cho nên khởi dáng mạo cao; kế nói trong nghiệp. “Na” là sao? “Trác” là “cao”. Nghiệp tướng đã khởi gọi là thành tựu, phẩm vị không thành gọi là bất lập, trong dụ cho nói như sông, v.v... nước định lặng lẽ chảy, không nước là “phỉ”. Song như núi liền.

Trang Tử nói: Sóng trắng như núi. Trong văn Tuyền Hải Phú nói: Sóng như núi liền, ầm cảnh như sông lặng lẽ chảy, tu quán như gió đi, hoặc phát như sóng lớn, dù thân miệng như quặng buồm, mất nhất tâm như buông bánh lái, do đó buông bỏ đi thuyền phá hoại, như tâm là bánh lái quyết đoán chánh thân miệng là buồm thì thuyền chánh quán sẽ khỏi bại nghiệp, qua sông phiền não đến bờ Niết-bàn.

Kế nói trong mà có người quân, trong Đại luận giải thích bốn ma.

Hỏi: Chỗ nào giải thích phiền não là ma?

Đáp: Như trong kinh Tạp Bảo Tạng, Đức Phật nói bài kệ về ma rằng:

*“Dục là quân đầu tiên của ông
Ưu sầu là thứ hai
Đói khát là quân thứ ba
Khát ái là thứ tư
Thứ năm là quân ngủ nghỉ,
Bố úy là thứ sáu
Nghĩ là quân thứ bảy
Ngâm độc là thứ tám
Thứ chín quân lợi dưỡng
Chấp danh quân lợi dưỡng
Chấp danh tiếng luống dối
Quân thứ mười tự cao
Khinh mạn người xuất gia
Các vị trời thế gian
Người không thể phá hoại
Ta dùng sức trí tuệ
Bẻ dẹp các quân ông
Ông tuy không muốn bỏ
Lợi ông không đến chỗ”.*

Nay phiền não khởi do ma làm duyên, do mười quân này ngăn

che người tu hành, không cho ra khỏi cho nên thuộc về cảnh ma, vì vậy chỗ khởi tuy là phiền não chẳng phải thuộc phiền não, chỉ gọi là mười quân, đều do ma lập nên nói ma quân. Dụ biển, v.v... dù không có hai ma trước năng kích động, dòng như tập chủng, phong như nghiệp lực hấp như ma quạt. Hấp: là nội dừng, nước tùy theo dừng nghỉ mà vào nên nói cấp thủy. Trong Đại luận quyển bảy chép: Năm trăm người đi buôn xuống biển lượm của báu, gặp phải cá Ma-kiệt vua mở miệng thuyền đi rất nhanh, người thuyền trưởng hỏi người trên lầu, có thấy gì không?

Đáp: Thấy ba ngày đến núi Đại Bạch, dòng nước đi nhanh như vào hầm lớn. Thuyền trưởng nói: ba ngày:

1- Suốt ngày

2- Mất cá.

Núi bạch là răng cá, nước chảy là vào miệng cá, ta gặp rồi, lúc bấy giờ người trong thuyền đều xưng là việc, đều không có suy nghiệm, trong đó có Ưu-bà-bít bảo mọi người, chúng ta phải cùng xưng danh hiệu Phật, cá nầy đời trước có thọ năm giới, được trí tức mạng, nghe danh hiệu Phật, liền tự hối trách, cá lại ngậm miệng mọi người nghe theo, ma quạt như hút nước Ma-kiệt hoặc trong như dòng nước chảy, thân miệng tán thiện không thể ngăn chế, như không thể dùng sức chống cự chỉ quán tịch chiếu mới thông suốt được, như chuyên xưng danh hiệu Phật.

Kế bao gồm dùng lửa để dụ cho như ở văn ma nghiệp ở sau phân biệt chỉ bày cảnh xứ, tuy nêu bày chung ba pháp, nay chỉ có quán tập, kế nói pháp trị.

Ban đầu nói hai thừa Đại Tiểu pháp trị khác nhau; kế y cứ về bốn món để phán xét Đại Tiểu, văn đầu trước tiểu kế đại, ban đầu nói trong tiểu trước lược nêu bày; kế chỉ bày nơi chốn văn thiếu, đem năm môn thiên đối trị bốn phần, chỉ thiếu trị chướng đạo đồng, nên nay chỉ văn sau, tức trong nghiệp cảnh sáu tộ và chướng, v.v... ở đây, năm pháp như đối trị, v.v... đủ như trong Trợ đạo có ghi, nầy lại thêm không chuyển một thứ, đối trị sáu tộ ở đây so sánh với bốn phần, câu số nhiều ít y theo thuyết nên biết, nay trong đối trị nói mười hai, ở đây trong văn sau có mười pháp thành quán thứ bảy trong văn thứ bảy có giải thích đủ. Thật quán bất tịnh như trên trong pháp thứ bảy thuộc trợ đạo đối trị có nói, cũng như Hoa Thủ tuyển chọn Trưởng giả, giả tưởng như trở xuống là trong cảnh thiên có nói, nhưng chỗ phát kia nay có nói tu do nầy thành khác, các tâm từ, v.v... đủ như trong thiên cảnh.

Ban đầu bệnh không chuyển mà trụ chuyển, như cảnh bất tịnh chuyển thành thân tướng, tức chỉ thân tướng lấy đó làm tịnh, không đối

với thân khởi dụng tướng, tức là bất tịnh nầy mà sinh thân tướng, gọi là từ quán, từ nếu chuyển thành quán bất tịnh, tức thấy phù thủng sưng lên hư hoại, bản thân không nên sân, hướng chi khiến cho hư hoại, trong si tu nhân duyên thành tri, nếu không phá si, lại dùng tà tuệ suy nghĩ biên vô biên, độc đầu si tâm nầy phần nhiều bị chìm đắm, nên dụng tư duy, dùng làm đối trị, biên vô biên đây là vị lai trong sáu mươi hai có bốn câu, vốn là tà tuệ nay lại thành tri. Nếu dùng số tức không thể trị tán, nên suy nghĩ pháp tướng vô lậu xuất thế, duyên theo tạp cảnh tán loạn liền dứt, bốn món thuốc xen chuyển thành mười hai câu, chung chuyển thành chuyển, cũng gọi là đối, y theo trước nên biết.

Kế nói Đại thừa phi đối, v.v... chỉ có nghĩa bậc nhất, như thuốc A-dà-đà, nầy một phen đến đoạt tiểu để nói tướng trị, chưa nói đủ dụng các giáo xen nhau trị cho đến đối trị trị nhiếp pháp, v.v... ở sau tu quán trong môn thứ bảy. Nay nầy lại dùng nghĩa đệ nhất trị gọi là A-dà-đà trị, Đại thừa trị nầy đủ như văn trên tùy theo tự ý Trung quán tham dụng, cho nên ở sau răn dè khéo lấy ý ấy. Nếu thất ý, đủ như lỗi thầy trò trong tùy tự ý.

Kế nói trong Tiểu thừa đa dụng trở xuống, do bốn món tất-đàn xếp trị. Trong Đại luận nói, các kinh thường dùng ba món tất-đàn, tức chỉ cho ba tạng kinh gọi là “dư”, hoặc nói chung, Đại tiểu đều có bốn, nay xả chung theo riêng cho nên lại y theo luận, trong âm nhập trước ý cũng như vậy, tuy là Thông giáo đủ, nhưng ở Thông giáo, Viên giáo, Tạng giáo, Biệt giáo ắt không có dụng nghĩa bậc nhất, mà thành tri, trong không vô sinh, chánh chỉ bày tướng vô sinh nghĩa bậc nhất, như trong mộng cứu lửa, năng sở đều không.

Kế tu Chỉ quán, từ đây về sau hết cảnh Bồ-tát, quán pháp đồng với trước, nhưng đối cảnh có khác, tùy bệnh nói riêng, nay trước là nói mười quán; kế hội tên khác, mười pháp ở trước, trước suy nghĩ trong cảnh, súc sinh vô tâm làm gốc, nên khiến mất lễ độ, lễ độ ở người, nên thất lễ độ gọi là mất nhân chủng, cũng là xen tiếc với người khác, không muốn cảnh mình mà cũng không muốn người xâm phạm, cũng không muốn người xâm phạm cảnh dụng của người khác. Quý do san tham làm gốc, lại do siểm nịnh nên xan tham của người khác. “Chậm hãm” là hãm hại người khác như chim độc. Trong kinh Quách Thú Sơn Hải và Quảng Nhã nói: Chim ấy thân có chất độc, lớn như chim ưng màu xanh lục, cổ dài mỏ đỏ, dài bảy tám tấc nó ăn rắn, con trống gọi là “vạn nhật”, mái gọi là “ấm giải”, do nó ăn hết đuôi nó ăn thì giết người, cho nên nói “hôn” là mê mờ, lúc mê mờ hành lễ nên gọi là hôn.

Trong sách Nhĩ Nhã nói: “Tế” gọi là “nhân”, “phụ” gọi là hôn, “sính” là cưới.

Trong sách Châu Lễ nói: Mọi người đến nói là đem sinh lễ đến gọi là “sính”, chữ “thiếu” là “thở điều thiết”. “Sính” nghĩa là cầm khăn ngọc đến hỏi “tiết kiệm” là có lễ nghi. Trong sách Chu Lễ nói, quân tử cung kính có lễ nghi, người thấp hèn dục thô, như Nan-đà, v.v... Lại quán dục tâm quả trách bỏ, bỏ như bỏ trong dục cái, quả trách như quả trong dục, do quả bỏ cho nên phát được sơ tuy Nan-đà cao siêu còn chưa ra khỏi sắc. Lại nếu quán dục là ngăn che mà hạnh ở xả, cho đến si, lược nêu sáu món tậ chặng giữa ban đầu sau hai tậ. Kế trong không thể nghĩ bàn, trước chánh giải thích.

Kế là thứ bỏ các ý kinh để giải thích thành cảnh diệu.

Ban đầu chánh giải thích chặng giữa trước dẫn kinh lập cảnh.

Kế giải thích, trong giải thích ban đầu nói lược có tinh tấn hay không.

Kế dẫn trong kinh luận Tịnh Danh không dứt, v.v... giải thích không tùy, v.v...; kế dẫn không trụ, v.v... giải thích các bất đoạn.

Văn đầu chánh do Tịnh Danh chuyển giải thích vô hạnh, không dứt si nên khởi ba minh, si tức vô minh, vô minh tức minh, khác nhau với Nhị thừa đoạn vô minh khởi tiểu ba minh, không đoạn ái nên khởi tám giải thoát, ái tức là ràng buộc ràng buộc tức giải thoát, khác nhau với Nhị thừa dứt tham ái đã khởi tám giải thoát Tiểu thừa, ở minh ở giải thoát các pháp đầy đủ, cho nên khác nhau với phàm phu Nhị thừa, và trong giáo đạo các giáo Bồ-tát, kế dẫn không trụ, v.v... giải thích không dứtn, v.v... trước nêu câu.

Kế nói lý do vì sao ở sau giải thích, ban đầu giải thích ý kinh khai thành bốn câu; kế từ nay nói trở xuống là khai thành tám câu. Bốn câu đầu: Ban đầu giải thích kinh phân tích lỗi, kinh ấy vốn lập ý không thể nghĩ bàn, chánh vì hàng Bồ-tát phân tích cả thiện tà, kế lập cảnh diệu, nên phàm phu tiểu trụ lỗi ở câu thứ nhất, câu thứ hai. Kế từ không dứt phiền não trở xuống là phân tích tà ngụy, tức là trụ ở lỗi câu thứ ba, thứ tư, ban đầu phàm phu trở xuống phân tích trong phàm phu nói rất tội ác, rất là tranh cãi, cũng là lệ. “Lệ” là khác, như chó ra cửa mà thân uốn lượn, lệ đây là bi ngậm, chẳng phải ý nay “thuần”. Trong Tự Lâm nói: Tánh hạnh điều hòa, chữ “thuận” là (dư luận thiết) cũng là âm tuần, Nhị thừa kế ở sau phân tích tiểu. A-la-hán ở sau nói lặp lại nói lỗi tiểu, hoặc ba cõi hết không hoặc có thể điều phục, này giải thích ý không điều hòa, khác nhau với Đại thừa bất sinh bất sinh, gọi là bất điều, do

dùng trí vụng về phân đoạn thông hoặc, chỗ thông hoặc hết phân minh không điều hòa, không điều này chánh gọi là điều, từ tiêu chủng bỏ lại phân tích lỗi tiểu, cho nên trong kinh Tịnh Danh nói, như rang mầm lúa, cũng như việc Ca-diếp thấy các Bồ-tát không thể nghĩ bàn, bèn hạ mình nói, chúng tôi ở đây như bại chủng, Bồ-tát ở sau nêu cao siêu so sánh liệt để diện ở đắc.

Ban đầu song lập; sắc song giải thích, trong giải thích trước giải thích có năm, nói như hoa mọc trong, v.v...

Trong kinh nói: Ở cao nguyên lục địa không mọc hoa sen, thấp ướt bùn đọng có mọc hoa này, nên biết Niết-bàn cao nguyên không mọc hoa đại bị Bồ-tát, trong bùn sinh tử có thắng dụng Bồ-tát lợi tha, tuy ở trong sinh tử mà sinh tử không nhiễm, lương y dụ cho rất đồng.

Lại hoa dụ cho thân luận Bồ-tát, thầy thuốc dụ cho ý luận Bồ-tát, cũng có thể đều dụ cho ba luân của Bồ-tát.

Nên trong Đại luận nói: Phật như thầy thuốc giỏi kinh dạy như phương thuốc, Tăng như người khám bệnh, nên biết đến Phật mới gọi là Đại y vương (thầy thuốc giỏi).

Lại nói Bồ-tát hóa sinh tuy thấy các thứ phiền não của chúng sinh mà không chịu giáo hóa, lại sân Bồ-tát lúc bấy giờ cũng là Đại y vương trị bệnh cho người, người bệnh mắng trở lại, Đại y vương không trách người bệnh đồng sân giận liền biết người ấy là quỷ sai khiến, Bồ-tát cũng vậy, biết các chúng sinh bị quỷ phiền não sai sử.

Kế giải thích trong không có vị, nói như chim bay giữa hư không, Đại Bồ-tát dứt hoặc nhập không mà chẳng trụ hư không, phải xuất giả lợi ích chúng sinh.

Ban đầu dụ cho bùn lắng, là dụ cho khổ mà không bị ô nhiễm; kế dụ cho trị bệnh, dụ cho tập không thể ô nhiễm, sau dụ cho chim bay không chấp diệt đạo, trong văn tuy so sánh xuất giả Bồ-tát ý chánh là thành cảnh không thể nghĩ bàn, tức thành xuất giả dụng không thể nghĩ bàn, cho nên Bồ-tát khác với nhị biên, chánh hiển bày cảnh mẫu Trung đạo chân thường, trước dẫn kinh Tịnh Danh, văn đầu nói không dứt si ái khởi nói giải thoát, phải biết văn này y cứ theo về vô tác để nói ứng chân tự tại của Bồ-tát, không dứt phiền não, ở sau phân tích tà ngộ.

Ban đầu chánh phân tích không trụ lỗi câu thứ ba thứ tư, ở chặng giữa ban đầu chánh nói lỗi của câu thứ ba, thứ tư.

Kế lặp lại nói lỗi câu thứ tư; ban đầu nói câu thứ ba thứ tư, trước nêu ra tướng bị mê; kê do kết trước bao gồm lỗi sau sinh; kế nay đời mặt pháp người si phân tích lỗi khác chân thật thái quá. Trong Đại kinh

thứ mười nói:

Này người thiện nam: Thí như có người ăn trái Yêm-la, nhổ hột xuống đất, mà lại nghĩ rằng: Hột này vị ngọt, rồi lại lấy nếm, vị ấy rất đắng, tâm sinh hối hận, sợ mất giống trái, lại lượm hột trồng dưới đất, siêng năng chăm sóc, dùng bơ dầu sữa lạc, tùy thời tưới bón, có thể sống được không? Dạ không bạch Đức Thế tôn, dù chotrời mưa cam lồ Vô thượng cũng còn không sinh, không sinh gọi là nhất-xiển, người nếm thử vị người si đời sau cũng giống như vậy, nghe không dừng cho là điều trái, nói song phi đây là không ngại song trụ, cho là vô ngại, lại trái với hạnh hai bên ở vô ngại, trái mất pháp điều phục như mất vị ngọt, trái pháp không điều phục, như mất giống trái. Bồ-tát không như vậy, vì được minh thuyết, nên nói song phi, song chiếu hai bên giáo hóa lợi ích không cùng, nên nói song trụ, nên biết người si chỉ trái với phương tiện điều phục hoặc của Đức Như lai, gọi là Tám trụ điều, dầu ở trong sinh tử mà không trụ quán sát, gọi là không trụ không điều, nên biết hai hạng người này đều mất, mất câu thứ tư, nói không ngại ở điều không điều, nghe vô song phi nghĩa không ngại song trụ, làm nhiều việc phi pháp, nên biết tức là lỗi câu thứ ba, đây là ở sau dùng dụ cho kết lỗi, phân tích vô ngại ác không ở trước.

Hám viêm thái quá: Ở đây Thổ Tề Linh Công Thần nấu nước biển thành muối, xứ ấy có đã lâu, nói không biết phải là bắt đầu có muối, hoặc là giả thiết làm dụ cho, nên trong Đại luận quyển mười tám chép: Như ruộng nhà người ban đầu không biết muối, thấy người và các thứ rau thịt mà đều gọi là muối.

Hỏi người khác rằng: Vì sao?

Đáp: Muối này có thể khiến cho các mùi vị ngon, người đây lại nghĩ: muối làm cho các mùi vị đều ngon, có lẽ mùi vị rất nhiều, lại đổ vào đây thức ăn, chua đắng làm tổn thương miệng, mà lấy làm lạ nói khác. Vì sao ông nói muối làm cho ngon, người khác là nói, người si, này sẽ so lường nhiều ít hòa hợp lại khiến cho ngon, vì sao ăn hết được, người vô tác nghe môn không, giải thoát, không thực hành các công đức chỉ muốn đắc không, đây là tà kiến dứt các gốc lành, hoặc giải không Tam-muội, thì biết các nghĩa, không trái bỏ nhau, có thể biết việc đây là năng lực Bát-nhã, nếu được nhập Bát-nhã tất cả pháp đều không có tà kiến. Lại luận quyển chín mươi chín nói, thí như có người ăn tương thái quá, thì như không thực hành năm độ, chỉ thực hành Bát-nhã, có đục chấp nên sinh tà kiến, không thể tăng thêm tất cả pháp lành, nên dùng năm độ hòa hợp với công đức, đầy đủ nghĩa vị, mới gọi là vô ngại,

nay vẫn mất đối với các ý song phi, nghĩa cũng đồng, phải biết người tu hành thất ý đối với vô ngại, chẳng những lỗi với vị ở trong các pháp, mà còn tổn thương với cửa thường trụ, như tham muối tương bị lỗi vị tổn thân. Trong kinh nói ở sau dẫn chứng, ban đầu dẫn lỗi vô hạnh chứng minh với trái pháp.

Kế dẫn trong Đại kinh do chẳng phải tu vắng suy nghiệm, người này ở sau phân tích chung, lại có người tu hành ở sau lặp lại nói luận người trong câu thứ tư, không trụ điều phục, cùng không điều phục mong cầu Trung đạo, tuy cầu Trung đạo mà này chỉ thành trụ ở câu thứ hai, cho nên gọi là thất.

Kế là phương Bắc ở sau kết phương Bắc đều đủ lỗi ba bốn câu, trong văn tuy kết thành trụ câu thứ nhất thứ hai, lỗi này vốn từ câu thứ ba, thứ tư sinh. Lại sơ học Trung quán ở sau kết tương lỗi.

Ban đầu kết song trụ tức thành lỗi, trong tất cả kinh luận không nói, tâm ban đầu dứt bỏ tham dục. Lại nói tu trung phi viên phi tiệm, cho nên trái nhau hướng chi ở sau hạnh buông lung vô ngại, nhà Chu ở sau dẫn việc làm suy nghiệm, như trước tùy tự trong ý dẫn Vũ Văn Ung, v.v... đều lỗi câu thứ tư, cũng là trụ không điều và trụ điều, là lỗi trụ song trụ, sơ học Trung quán dứt bỏ tham dục tự trụ ở điều, trụ điều càng không buông tâm làm điều ác, gọi là trụ không điều, người này chấp trung dùng làm bất trụ điều và không điều, sau lại buông tâm thành trụ bất điều, và thành trụ trước, ở lỗi điều, không điều đâu có liên quan với không trụ. Chánh phân tích lỗi song phi, này gọi là đại ngại, v.v... phân tích lỗi câu thứ ba thứ tư vô ngại ở trước, này đều mất ý kinh Tịnh Danh Vô Hành, như vậy ở sau chung kết bốn câu văn trước, lại thành trụ lỗi câu thứ hai, nên nói không điều phục, cho nên đều lỗi ý không thể nghĩ bàn, từ nay nói ở sau rộng khai tám câu nhiếp tất cả pháp thành không thể nghĩ bàn, trước nêu bày hai bốn câu, vì sao ở sau giải thích. Trước giải thích bốn câu bất trụ, hai câu đầu rất dễ hiểu. Kế câu thứ ba nói tức trung nên không trụ hai cũng như vậy, cả hai cũng tức là Trung đạo song chiếu, song phi tức là Trung đạo song giá, do song chiếu nên không trụ song phi, do vì song phi nên không trụ song chiếu, tóm lại, chỉ là phi một, hai, ba.

Kế tuy không trụ ở sau nói trụ bốn câu và bốn câu không trụ nhập tức nhau, trụ trong không trụ mỗi câu chỉ nêu hai câu đầu, các chấp có hai, theo văn đủ nghĩa, cũng nên lại giải thích bốn câu trụ rồi mới cùng bốn câu bất trụ nhập nhau tức nhau, là tránh văn rườm rà nên lại nói tức nhau, theo nghĩa bất trụ giải thích bốn câu trụ, tức không nên trụ điều

phục tức giả, nên trụ bất điều phục song phi nên trụ câu thứ ba, song chiếu nên trụ câu thứ tư.

Hỏi: Trụ và bất trụ đều có hai câu thứ ba, thứ tư đều là giả chiếu hai văn khác nhau thế nào? Bất trụ là bất trụ giả chiếu, trong trụ là trụ ở giả chiếu, tuy có trụ và bất trụ đều là thể dụng Trung đạo, trụ là dụng Trung đạo, bất trụ là thể Trung đạo, nếu theo ý này cũng phải hỏi lại, trụ và bất trụ đều có thứ nhất thứ hai, cùng thứ ba, thứ tư đâu có khác nhau, nên nói hai câu ban đầu nói riêng trụ và bất trụ, ba bốn đều nói trụ và bất trụ, này vẫn phân biệt so sánh nên thực hành thuyết này. Hoặc trong Nói chung, tám câu đều là thể dụng của Trung đạo, do bên tức Trung, nên có hai lớp ba bốn câu, vì Trung tức bên, nên có hai lớp hai hai câu đầu, đã quán tham dục tức là tám câu phải biết tham dục tức là pháp giới, vì sao ở sau giải thích pháp giới. Dụng kế sau này kết tham dục khắp tất cả pháp tùy theo sở thuộc ấy, hoặc lại đối với câu tức nhau này, ở sau thực hành thuyết tùy nghi này thời thuận theo phương tiện ý giáo và pháp mê, đều làm tám câu nhiếp hết, y theo đây mà nói thì được gọi là Tự tại thuyết, nên biết y theo cảnh diệu quán mới có thể cùng kiếp không nói ra ở đây, thể đạt như vậy, v.v... có thể nương giải thích tướng được mất trụ bất trụ, ở giữa và trước mắc lỗi kế, ban đầu nói được ở trước nói phần lợi ích để giải thích đắc, ở giữa lại trước nói trụ, bất trụ được lợi ích.

Kế là thế nào giải thích ở sau. Trong văn dẫn Hòa Tu Mật đủ như trong quyển hai, bốn câu trụ này đều nói là lợi ích, do mỗi câu đều có đủ các câu, tuy lại hoặc nói trụ điều cho đến quán chung, vì trong mỗi câu đều không thể nghĩ bàn, cho nên đều lợi ích, cũng nên lại nói bất trụ điều, v.v... không ở đâu là không được lợi ích, không có văn là lược. Như hỷ căn kế ở sau nói lợi ích xa. Trong Đại luận thứ bảy giải thích khéo vụng về trong hai độ, là căn cơ là vụng về, thuyền vuông là khéo léo. Vụng về là Thịnh văn “khéo léo” là Bồ-tát, như ngài Văn-thù bạch Phật: Thuở xưa, cách nay vô lượng kiếp có Đức Phật hiệu là Sư Tử Âm Vương, và các chúng sinh thọ mười muôn ức na-do-tha tuổi, dùng Ba thừa giáo hóa chúng sanh, người, cây báu thường phát ra âm thanh bất sinh bất diệt, người nghe đắc đạo, các chúng Bồ-tát đều được pháp nhãn Vô sinh, Đà-la-ni Tam-muội, người mới nhập đạo không thể xứng tánh, sau khi Phật nhập Niết-bàn cây không phát ra âm thanh nữa. Lúc bấy giờ, có hai vị Tỳ-kheo:

1- Tên là Hỷ Căn

2- Tên Thắng Ý.

Hỷ Căn dung nghi ngay thẳng không bỏ thế pháp, cũng không phân biệt pháp thiện, pháp ác, đệ tử Hỷ Căn thông minh ưa nghe nghĩa sâu xa, thầy ông chẳng khen, ít muốn, giữ giới, thực hành đầu-đà, chỉ nói thật tướng các pháp, bảo đệ tử rằng: Tướng si của dâm dục tức là thật tướng, không có ngăn ngại, đó là phương tiện ở trong mọi người, không sân không hối, được vô sinh nhẫn, ở trong ý pháp bất động như núi.

Thắng Ý trì giới, hành hạnh Đầu-đà tu Tứ thiền, đệ tử độn căn cầu nhiều phân biệt. Vào lúc khác Thắng Ý đến nhà đệ tử Hỷ Căn, khen nói trì giới, hành hạnh Đầu-đà vắng lặng chê bai Hỷ Căn, người này dạy người khác ở trong tà kiến nói dâm nộ si không ngăn ngại, là người tạp hạnh chẳng phải thuần thanh tịnh, mà là đệ tử đã được đắc pháp nhẫn.

Hỏi Thắng Ý rằng: Thưa Đại đức! pháp dâm dục đây là những gì?

Đáp: Là phiền não.

Lại hỏi: Ở trong hay ở ngoài?

Đáp: Phiền não này không ở trong không ở ngoài, hoặc ở trong, không nên đội duyên, hoặc ở ngoài là ở vô sự của ta.

Ở đây nói: Nếu thế phiền não chẳng phải ở trong chẳng ở ngoài, chẳng phải ở mười phương, tìm không thật có, tức không sinh diệt, làm sao có thể gây ra phiền não ư?

Thắng Ý nghe rồi tâm mình không vui, không thể nói thêm, liền đứng dậy nói: Hỷ Căn làm mê hoặc mọi người, khiến chấp tà kiến, Thắng Ý chưa được âm thanh Đà-la-ni, nghe Phật nói liền thích nghe, bên ngoài nói thì sân, nghe ba điều lành thì vui, nghe ba việc ác thì sân, từ nhà cư sĩ đến trong rừng, đến Tinh xá bảo các Tỷ-kheo, phải biết Hỷ Căn làm mê hoặc mọi người đi vào tà kiến, người nói dâm dục là pháp vô ngại. Lúc này, Hỷ Căn nghĩ rằng: Người này đại sân, nghiệp ác che giấu phải đọa vào đại tội, nay ta phải nói cho ông nghe pháp sâu xa làm nhân đời sau, liền nhóm họp chúng tăng, đồng thời nói kệ:

“Dâm dục tức là đọa

Sân si cũng như vậy”.

Hơn bảy mươi hàng kệ, ba muôn vị trời được Vô sinh nhẫn, tám ngàn Thịnh văn đều được giải thoát. Thắng Ý tức thời hiện đời rơi vào địa ngục, chịu khổ ngàn muôn ức năm, khi ra sinh vào loài người bị bảy mươi bốn muôn đời thường bị chê bai, trong vô lượng kiếp không nghe danh hiệu Phật, tội này lần lần mỏng, được nghe Phật pháp, xuất gia hành đạo mà lại xả giới, như vậy sáu muôn hai ngàn đời thường xả giới

trong vô lượng đời làm Sa-môn tuy không xả giới mà các căn tối tăm. Bồ-tát Hỷ Căn nay ở Phương Đông, qua mười muôn ức cõi Phật thành Phật, hiệu là Bảo Nghiêm, Phật hiệu là Quang Du Nhật Nguyệt, Thắng Ý lúc bảy giờ, tức là thân ta ngày nay.

Văn-thù bạch Phật, có người cầu đạo Ba thừa không nên chấp tướng, mà ôm lòng tức giận.

Phật hỏi ngài Văn-thù, ông nghe các bài kệ được những lợi gì?

Đáp: Tôi nghe các bài kệ được lìa các điều ác, đời đời lợi căn, được các pháp căn bản, khéo nói các pháp, đối với pháp Bồ-tát được bậc nhất, khéo quán hạ kết được tướng lợi ích. Cận nghĩa là cư sĩ nghe Hỷ Căn nói được Vô sinh nhẫn. Viện nghĩa là Thắng Ý, trải qua lâu mới được lợi ích, được lợi ích không ra ngoài tướng tám câu. Nếu không trái lại ở sau dùng lối kết đặc, tự hành phải nương cảnh mẫu, dạy người ắt vị ở pháp thân, mới có thể xưng thể dùng tám câu, nếu một niệm, v.v... là chánh nói tám câu thành cảnh không thể nghĩ bàn. Pháp trước dụ kế, trong dụ nói: Bóng cây trong tối, v.v... ban đầu dụ cho lý tánh trong tối có sáng, ba dụ cho thân châu Trung đạo trí quang, ba ý này nói sáng tối không hai, để thành cảnh không thể nghĩ bàn. Ý văn đầu, trong Đại kinh thứ hai giải thích thường trụ ba bảo trong đó nói: Thí như do cây mà có bóng sinh, nếu có ba bảo thì có quy y. Ngài Ca-diếp gạn rằng: Trong tối có bóng mà không có bóng.

Đức Phật nói: cây trong tối chẳng phải không có bóng nhưng chẳng phải nhục nhãn thấy được, trí nhãn của Đức Như lai mới thấy được.

Ban đầu, Phật lập dụ rằng: Nếu có cây thì có bóng, nếu có ba bảo thì có quy y. Ca-diếp gạn là cây trong tối không có bóng, lẽ ra có ba bảo mà không có quy y. Đức Phật lại đáp rằng: Cây trong tối có bóng, phải biết ba bảo có quy y. Nay nói hễ chỗ nào có cây thì chướng ánh sáng, nếu chướng ánh sáng thì có bóng, những chẳng phải nhục nhãn thấy được, như trong vô minh có pháp tánh sáng, nhưng chẳng phải bốn thứ nhãn thấy được, cho nên thể phiến não vốn không thể nghĩ bàn, những chẳng phải chỗ thiên tiểu thấy được, nay chỉ bày phiến não tức là pháp tánh nên biết thể của tối và sáng không hai, cho nên gọi là cảnh không thể nghĩ bàn. Trí chướng ở sau nói trong sáng có tối, thể trí của hai trí, tuy nói sáng, mà thể là vô minh, nên biết thể sáng và tối không hai cho nên gọi là cảnh không thể nghĩ bàn, cũng như kế ở sau làm trí chướng ban đầu làm dụ cho đèn, đèn như trí chướng, tối như vô minh, như vậy ở sau quán tánh sáng tối, trước dụ, kế hợp, trong dụ trước lập, vì sao ở sau

giải thích. Ý trong giải thích thể tối tức sáng, thể sáng tức tối, là chỉ trí chướng tức là vô minh, trong nghĩa nói tối đến, mà tối thật không đến, chỉ là hai trí tức là vô minh nên nói đèn bít, cũng chỉ hai trí năng phá hai hoặc. Trong nghĩa nói tối đi mà tối thật không đi, tự tìm tối mà không có tối đi, chánh dụ cho dụng trí mà khởi chiếu, chiếu ở sáng tối, từ tuy không bỏ hợp, trong hợp trước chánh hợp. Thể tuy không hai, cái đâu rõ ràng, phá nghĩa là phá tối, nghĩa là che sáng. Không thọ, v.v... trùng lặp hiển bày hình tướng cảnh mẫu.

Ban đầu không thọ, v.v... trước là nêu bày bốn câu, kế mới khởi ở sau giải thích, trung trí là tâm, vô minh là chướng, lý tánh là trong các pháp là ngoài, nếu dùng mười hai nhân duyên căn trần làm tâm chướng, tự là ý các ba tạng Thông giáo, nếu từ đèn thế trí bỏ, lại dùng thần châu dụ hiển bày trung trí, trung trí thường sáng, không đồng hai trí, gồm sáng gồm tối, bắt đầu từ bóng cây cuối đến thần châu, do thức trí chướng và dụng đèn, nên thể trí sáng trong thức không hai, tức chỉ phiền não, dùng làm cảnh diệu, nên chung kết nói: Quán cái tối của phiền não tức cái sáng của Đại trí, hiển bày cực quả của Phật vô minh hết hẳn, mới gọi là bất lai, theo trên, v.v... thì âm cảnh không khác với vô minh, như vậy khi quán ở sau hai minh phát tâm, lại y theo phiền não dùng làm sáng tối, y theo sự sáng tối này mà khởi hoàng thệ, y theo sáng khởi từ, y theo tối khởi bi, tức y theo tứ đế vô tác đủ phát bốn hoàng thệ, nên nói chung khởi, đủ như ấm cảnh, thành đủ kế ở sau nói an tâm. Trước nương thứ lớp ba món chỉ quán, kế khéo léo ở sau chỉ bày tướng chung riêng an tâm, như năm trăm mười hai lần ở trước, để nói nhất tâm, nhãn trí thành tựu, nếu nhãn trí chưa khai.

Kế nói phá khắp, y theo văn trước chỉ thiếu trao thuốc và ba món giả trung vô minh pháp tánh, chỉ là văn lược, ở ngay không trung, sau nói thông bít.

Nói phiền cấu thông khởi bít, nên nói phiền cấu, đây thì chính là tướng riêng của thông bít.